

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:126/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25-10-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu H

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1222/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 3137/TB-TA ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H; nơi cư trú: Thôn ĐA, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Ko-Chun-H; nơi cư trú: Lãnh thổ Đài Loan, Trung Quốc; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Ko-Chun-H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh Ko-Chun-H vì công việc nên phải quay trở lại Đài Loan còn chị H vẫn ở lại Việt Nam sinh sống. Anh Ko-Chun-H có hứa sau khi cưới sẽ làm thủ tục để bảo lãnh cho chị H sang đoàn tụ tại Đài Loan nhưng sau khi về nước anh Ko-Chun-H không nói gì về việc sẽ bảo lãnh cho chị H sang đoàn tụ vợ chồng dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị và anh Ko-Chun-H bất đồng về ngôn ngữ, về khoảng cách địa lý xa nhau, vợ chồng không

tìm được tiếng nói chung, cho đến nay giữa chị và anh Ko-Chun-H không còn liên lạc gì với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ko-Chun-H.

Về nuôi con và chia tài sản: Chị và anh Ko-Chun-H không có con chung và tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Ko-Chun-H là người nước ngoài, sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo thời gian mở phiên tòa cho anh Ko-Chun-H.

Tại phiên tòa: Chị Vũ Thị H có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và các bản tự khai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký về cơ bản đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án. Tòa án xét xử vắng mặt anh Ko-Chun-H là đúng quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Giữa chị Vũ Thị H và anh Ko-Chun-H đã không liên lạc với nhau từ lâu, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Con chung, tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị H và anh Ko-Chun-H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 08 tháng 8 năm 2016, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Ko-Chun-H hiện đang sinh sống tại Đài Loan, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về kết quả ủy thác tư pháp: Theo địa chỉ mà chị Vũ Thị H cung cấp cũng như địa chỉ mà anh Ko-Chun-H đã khai khi làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị Vũ Thị H, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ko-Chun-H, tuy nhiên việc tổng đạt không thực hiện được do địa chỉ của anh Ko-Chun-H không chính xác. Chị H không thể cung cấp địa chỉ của anh Ko-Chun-H

được. Tòa án đã tiến hành thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Lãnh thổ Đài Loan và Cổng thông tin điện tử của Tòa án ngoài ra Tòa án còn thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5). Đến nay đã hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày đăng thông báo, căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ko-Chun-H.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị Vũ Thị H và gia đình có đủ cơ sở kết luận: Giữa chị H và anh Ko-Chun-H không có cuộc sống chung vợ chồng, vì từ sau khi kết hôn anh Ko-Chun-H quay trở về Đài Loan từ đó hai bên không liên lạc với nhau. Thời gian từ khi kết hôn đến nay đã hơn hai năm anh Ko-Chun-H không về Việt Nam lần nào để thăm lại chị Vũ Thị H. Như vậy là giữa anh Ko-Chun-H và chị H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị H là chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Vũ Thị H đối với anh Ko-Chun-H.

[4] Về con chung và tài sản chung: Theo lời khai của chị Vũ Thị H giữa chị và anh Ko-Chun-H không có con chung và tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về phí ủy thác tư pháp: Chị Vũ Thị H phải chịu phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Vũ Thị H và anh Ko-Chun-H được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, Điều 266, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Ko-Chun-H.

2. Về nuôi con và chia tài sản: Chị Vũ Thị H trình bày anh chị không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0008690 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ.

4. Về phí ủy thác tư pháp: Chị Vũ Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) phí ủy thác tư pháp để tổng đạt Văn bản tố tụng của tòa án cho anh Ko-Chu-Hao. Chị H được trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0003939 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị H đã nộp đủ.

Chị Vũ Thị H còn phải nộp chi phí ủy thác tư pháp để tổng đạt bản án cho anh Ko-Chun-H.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Vũ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Ko-Chun-H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện Vĩnh Bảo
TP Hải Phòng;
- Dương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thu Hương

